THỜI KHOÁ BIỂU

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 10 tháng 05 năm 2021

THỨ	TIẾT	10.7	10.8	10.9	10.10	10.11	11.6	11.7	11.8	11.9	11.10	11.11	12.7	12.8	12.9	12.10	12.11	12.12	12XH1	12XH2	12XH3	12XH4	12TN1	12TN2
2	1	Địa - Huyền(Địa)	NNgữ - Yến	Lí - Chính	Sử - Thủy(S)	Hóa - Duyên	Lí - T.Loan	NNgữ - Hà	Sinh - Nam	Sử - Vinh	Địa - Trinh	Hóa - Hồng(H)	NNgữ - Trâm	Văn - Hiền	NNgữ - Hồng(AV)	Văn - Hương	NNgữ - Hà	Toán - Nhi						
	2	NNgữ - Vi	Toán - N.Minh	Toán - Hòa	Lí - Đ.Tuấn	Địa - Huyền(Địa)	Hóa - A.Liên	Văn - Quế	Sử - Vinh	Hóa - Tr.Hải	Sinh - Nam	Lí - Chính	NNgữ - Trâm	Văn - Hiền	NNgữ - Hồng(AV)	Văn - Hương	NNgữ - Hà	Toán - Nhi						
	3	Hóa - A.Liên	Hóa - Duyên	Địa - Huyền(Địa)	Toán - D.Thúy	Lí - Đ.Tuấn	Sử - Vinh	Toán - N.Minh	Lí - V.Thảo	Toán - Oanh	Văn - Sương	NNgữ - Trâm	Toán - Hòa	NNgữ - Hồng(AV)	Toán - Quốc	Toán - Nhi	Văn - Hiền	Văn - Hợi						
	4												Văn - Hương	NNgữ - Hồng(AV)	Toán - Quốc	Toán - Nhi	Văn - Hiền	Văn - Hợi						
3	1																		Sử - Thủy(S)	Địa - Trinh	Địa - Huyền(Địa)	Sử - Thu	Hóa - Tr.Hải	Sinh - Hảo
	2																		GDCD - H.Liên	Sử - Thủy(S)	Địa - Huyền(Địa)	Sử - Thu	Lí - T.Loan	Sinh - Hảo
	3																		Địa - Trinh	Sử - Thủy(S)	Sử - Thu	GDCD - H.Liên	Sinh - Hảo	Lí - T.Loan
	4																							
	5																							
4	1												SHL - Tr.Hải	SHL - Hồng(AV)	SHL - Hợi	SHL - Hương	SHL - Quốc	SHL - H.Liên						
	2	Sinh - B.Liên	Sử - Thủy(S)	Văn - Vân	NNgữ - Minh	Toán - N.Minh	Toán - D.Thúy	Lí - Tài	Toán - Oanh	Sinh - Nam	Lí - V.Thảo	Văn - Hiền							GDCD - H.Liên	Địa - Trinh	GDCD - Anh	Địa - Huyền(Địa)	Hóa - Tr.Hải	Lí - T.Loan
	3	Văn - Vân	Địa - Huyền(Địa)	Hóa - A.Liên	Văn - Hiền	Sinh - B.Liên	Sinh - Nam	Sử - Vinh	Địa - Trinh	Văn - Sương	NNgữ - Minh	Toán - Quốc							Địa - Trinh	GDCD - A.Tuấn	GDCD - Anh	GDCD - H.Liên	Lí - T.Loan	Hóa - Hồng(H)
	4	Toán - N.Minh	Văn - Hợi	Sinh - B.Liên	Hóa - A.Liên	Sử - Thủy(S)	NNgữ - Hà	Sinh - Nam	Hóa - Duyên	Địa - Trinh	Toán - D.Thúy	Sử - Vinh							Sử - Thủy(S)	GDCD - A.Tuấn	Sử - Thu	Địa - Huyền(Địa)	Sinh - Hảo	Hóa - Hồng(H)
5	1																							
	2																							
	3																							
	4																							
	5																							
6	1												Văn - Hương	Toán - Hòa	Toán - Quốc	Toán - Nhi	NNgữ - Hà	NNgữ - Trâm						
	2	Sử - Vinh	Lí - Chính	NNgữ - Minh	Sinh - B.Liên	Văn - Hương	Văn - Quế	Địa - Thủy(Đ)	NNgữ - Yến	Lí - Đ.Tuấn	Hóa - Duyên	Địa - Trinh	NNgữ - Trâm	Toán - Hòa	NNgữ - Hồng(AV)	NNgữ - Hà	Văn - Hiền	Văn - Hợi						
	3	Lí - Chính	Sinh - B.Liên	Sử - Thủy(S)	Địa - Thủy(Đ)	NNgữ - Yến	Địa - Trinh	Hóa - Hồng(H)	Văn - Quế	NNgữ - Hồng(AV)	Sử - Vinh	Sinh - Nam	Toán - Hòa	Văn - Hiền	Văn - Hợi	NNgữ - Hà	Toán - Quốc	NNgữ - Trâm						
	4	SHL - Chính	SHL - Duyên	SHL - Minh	SHL - Hiền	SHL - Đ.Tuấn	SHL - T.Loan	SHL - Hồng(H)	SHL - Yến	SHL - Sương	SHL - V.Thảo	SHL - Trâm	Toán - Hòa	NNgữ - Hồng(AV)	Văn - Hợi	Văn - Hương	Toán - Quốc	Toán - Nhi						
	5																							
7	1																							
	2																							
	3																							
	4																							
	5																							